|  |  |
| --- | --- |
| **Đơn vị:** …………………………..**Địa chỉ:** …………………………... | **Mẫu số S01-DNN**(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính) |

**NHẬT KÝ - SỔ CÁI**

**Năm: ………..**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Thứ tự dòng | Ngày, tháng ghi sổ | Chứng từ | Diễn giải | Số tiền phát sinh | Số hiệu tài khoản đối ứng | Thứ tự dòng | TK... | TK... | TK... | TK.. | TK... | TK |
| Số hiệu | Ngày, tháng | Nợ | Có | Nợ | Có | Nợ | Có | Nợ | Có | Nợ | Có | Nợ | Có | Nợ | Có |
| A | B | C | D | E | 1 | F | G | H | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | … | … |
|  |  |  |  | - Số dư đầu năm - Số phát sinh trong tháng |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - Cộng số phát sinh tháng - Số dư cuối tháng - Cộng lũy kế từ đầu quý |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

- Sổ này có .... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ:...

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Người lập biểu** (Ký, họ tên) | **Kế toán trưởng**(Ký, họ tên) | **Người đại diện theo pháp luật**(Ký, họ tên, đóng dấu) |

***Ghi chú:*** *Đối với trường hợp thuê dịch vụ làm kế toán, làm kế toán trưởng thì phải ghi rõ số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán, tên đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Đơn vị:** …………………………..**Địa chỉ:** …………………………... | **Mẫu số S02a-DNN**(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính) |

**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

***Số: …………***

*Ngày…. tháng.... năm ....*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Trích yếu | Số hiệu tài khoản | Số tiền | Ghi chú |
| Nợ | Có |
| A | B | C | 1 | D |
|  |  |  |  |  |
| **Cộng** | **x** | **x** |  | **x** |

Kèm theo…… chứng từ gốc

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Người lập biểu**(Ký, họ tên) | **Kế toán trưởng**(Ký, họ tên) | *Ngày ... tháng ... năm ...***Người đại diện theo pháp luật**(Ký, họ tên, đóng dấu) |

***Ghi chú:*** *Đối với trường hợp thuê dịch vụ làm kế toán, làm kế toán trưởng thì phải ghi rõ số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán, tên đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Đơn vị:** …………………………..**Địa chỉ:** …………………………... | **Mẫu số S02b-DNN**(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính) |

**SỐ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ**

***Năm ...***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Chứng từ ghi sổ | Số tiền | Chứng từ ghi sổ | Số tiền |
| Số hiệu | Ngày, tháng | Số hiệu | Ngày, tháng |
| A | B | 1 | A | B | 1 |
|  |  |  |  |  |  |
| - Cộng tháng- Cộng lũy kế từ đầu quý |  | - Cộng tháng- Cộng lũy kế từ đầu quý |  |

- Sổ này có .... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ:...

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Người lập biểu**(Ký, họ tên) | **Kế toán trưởng**(Ký, họ tên) | *Ngày ... tháng ... năm ...***Người đại diện theo pháp luật**(Ký, họ tên, đóng dấu) |

***Ghi chú:*** *Đối với trường hợp thuê dịch vụ làm kế toán, làm kế toán trưởng thì phải ghi rõ số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán, tên đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Đơn vị:** …………………………..**Địa chỉ:** …………………………... | **Mẫu số S02c1-DNN**(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính) |

**SỔ CÁI**

**(Dùng cho hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ)**

Năm:………….

Tên tài khoản……….

Số hiệu:……….

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Ngày, tháng ghi sổ | Chứng từ ghi sổ | Diễn giải | Số hiệu TK đối ứng | Số tiền | Ghi chú |
| Số hiệu | Ngày, tháng | Nợ | Có |
| A | B | C | D | E | 1 | 2 | G |
|  |  |  | - Số dư đầu năm- Điều chỉnh số dư đầu kỳ- Số phát sinh trong tháng |  |  |  |  |
| - Cộng số phát sinh tháng | x |  |  | x |
| - Số dư cuối tháng | x |  |  | x |
| - Cộng lũy kế từ đầu quý | x |  |  | x |

- Sổ này có .... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ:...

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Người lập biểu**(Ký, họ tên) | **Kế toán trưởng**(Ký, họ tên) | *Ngày ... tháng ... năm ...***Người đại diện theo pháp luật**(Ký, họ tên, đóng dấu) |

***Ghi chú:*** *Đối với trường hợp thuê dịch vụ làm kế toán, làm kế toán trưởng thì phải ghi rõ số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán, tên đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Đơn vị:** …………………………..**Địa chỉ:** …………………………... | **Mẫu số S02c2-DNN**(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính) |

**SỔ CÁI**

**(Dùng cho hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ)**

Năm: …….

Tên tài khoản …….

Số hiệu: …….

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Ngày, tháng, ghi sổ | Chứng từ ghi sổ | Diễn giải | Số hiệu TK đối ứng | Số tiền | Tài khoản cấp 2 |
| Số hiệu | Ngày, tháng | Nợ | Có | TK... | TK ... | TK ... | TK ... |
| Nợ | Có | Nợ | Có | Nợ | Có | Nợ | Có |
| A | B | C | D | E | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
|  |  |  | - Số dư đầu năm |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - Số phát sinh trong tháng |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - Cộng số phát sinh trong tháng | x |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - Số dư cuối tháng | x |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - Cộng lũy kế từ đầu quý | x |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

- Sổ này có .... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ:...

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Người lập biểu**(Ký, họ tên) | **Kế toán trưởng**(Ký, họ tên) | *Ngày ... tháng ... năm ...***Người đại diện theo pháp luật**(Ký, họ tên, đóng dấu) |

***Ghi chú:*** *Đối với trường hợp thuê dịch vụ làm kế toán, làm kế toán trưởng thì phải ghi rõ số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán, tên đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Đơn vị:** …………………………..**Địa chỉ:** …………………………... | **Mẫu số S03a-DNN**(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính) |

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

**Năm...**

*Đơn vị tính:…………..*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Ngày, tháng ghi sổ | Chứng từ | Diễn giải | Đã ghi Sổ Cái | STT dòng | Số hiệu TK đối ứng | Số phát sinh |
| Số hiệu | Ngày, tháng | Nợ | Có |
| A | B | C | D | E | G | H | 1 | 2 |
|  |  |  | Số trang trước chuyển sang |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
| Cộng chuyển sang trang sau | x | x | x |  |  |

- Sổ này có .... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ:...

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Người lập biểu**(Ký, họ tên) | **Kế toán trưởng**(Ký, họ tên) | *Ngày ... tháng ... năm ...***Người đại diện theo pháp luật**(Ký, họ tên, đóng dấu) |

***Ghi chú:*** *Đối với trường hợp thuê dịch vụ làm kế toán, làm kế toán trưởng thì phải ghi rõ số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán, tên đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Đơn vị:** …………………………..**Địa chỉ:** …………………………... | **Mẫu số S03a1-DNN**(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính) |

**SỔ NHẬT KÝ THU TIỀN**

**Năm...**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Ngày, tháng ghi sổ | Chứng từ | Diễn giải | Ghi Nợ TK …… | Ghi Có các TK |
| Số hiệu | Ngày, tháng | … | … | … | … | Tài khoản khác |
| Số tiền | Số hiệu |
| A | B | C | D | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | E |
|  |  |  | Số trang trước chuyển sang |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| Cộng chuyển sang trang sau |  |  |  |  |  |  |  |

- Sổ này có .... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ:...

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Người lập biểu**(Ký, họ tên) | **Kế toán trưởng**(Ký, họ tên) | *Ngày ... tháng ... năm ...***Người đại diện theo pháp luật**(Ký, họ tên, đóng dấu) |

***Ghi chú:*** *Đối với trường hợp thuê dịch vụ làm kế toán, làm kế toán trưởng thì phải ghi rõ số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán, tên đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Đơn vị:** …………………………..**Địa chỉ:** …………………………... | **Mẫu số S03a2-DNN**(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính) |

**SỔ NHẬT KÝ CHI TIỀN**

**Năm**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Ngày, tháng ghi sổ | Chứng từ | Diễn giải | Ghi Có TK …… | Ghi Nợ các tài khoản |
| Số hiệu | Ngày, tháng | … | … | … | … | Tài khoản khác |
| Số tiền | Số hiệu |
| A | B | C | D | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | E |
|  |  |  | Số trang trước chuyển sang |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| Cộng chuyển sang trang sau |  |  |  |  |  |  |  |

- Sổ này có .... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ:...

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Người lập biểu**(Ký, họ tên) | **Kế toán trưởng**(Ký, họ tên) | *Ngày ... tháng ... năm ...***Người đại diện theo pháp luật**(Ký, họ tên, đóng dấu) |

***Ghi chú:*** *Đối với trường hợp thuê dịch vụ làm kế toán, làm kế toán trưởng thì phải ghi rõ số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán, tên đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Đơn vị:** …………………………..**Địa chỉ:** …………………………... | **Mẫu số S03a3-DNN**(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính) |

**SỔ NHẬT KÝ MUA HÀNG**

**Năm ……**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Ngày, tháng ghi sổ | Chứng từ | Diễn giải | Tài khoản Ghi nợ | Phải trả người bán (ghi Có) |
| Số hiệu | Ngày, tháng | Hàng hóa | Nguyên liệu, vật liệu | Tài khoản khác |
| Số hiệu | Số tiền |
| A | B | C | D | 1 | 2 | E | 3 | 4 |
|  |  |  | Số trang trước chuyển sang |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
| Cộng chuyển sang trang sau |  |  |  |  |  |

- Sổ này có .... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ:...

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Người lập biểu**(Ký, họ tên) | **Kế toán trưởng**(Ký, họ tên) | *Ngày ... tháng ... năm ...***Người đại diện theo pháp luật**(Ký, họ tên, đóng dấu) |

***Ghi chú:*** *Đối với trường hợp thuê dịch vụ làm kế toán, làm kế toán trưởng thì phải ghi rõ số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán, tên đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Đơn vị:** …………………………..**Địa chỉ:** …………………………... | **Mẫu số S03a4-DNN**(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính) |

**SỔ NHẬT KÝ BÁN HÀNG**

**Năm ……**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Ngày, tháng ghi sổ | Chứng từ | Diễn giải | Phải thu từ người mua (ghi Nợ) | Ghi Có tài khoản doanh thu |
| Số hiệu | Ngày, tháng | Hàng hóa | Thành phẩm | Dịch vụ |
| A | B | C | D | 1 | 2 | 3 | 4 |
|  |  |  | Số trang trước chuyển sang |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
| Cộng chuyển sang trang sau |  |  |  |  |

- Sổ này có .... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ:...

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Người lập biểu**(Ký, họ tên) | **Kế toán trưởng**(Ký, họ tên) | *Ngày ... tháng ... năm ...***Người đại diện theo pháp luật**(Ký, họ tên, đóng dấu) |

***Ghi chú:*** *Đối với trường hợp thuê dịch vụ làm kế toán, làm kế toán trưởng thì phải ghi rõ số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán, tên đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Đơn vị:** …………………………..**Địa chỉ:** …………………………... | **Mẫu số S03b-DNN**(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính) |

**SỔ CÁI**

**(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)**

**Năm...**

**Tên tài khoản …………..**

**Số hiệu…………**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Ngày, tháng ghi sổ | Chứng từ | Diễn giải | Nhật ký chung | Số hiệu TK đối ứng | Số tiền |
| Số hiệu | Ngày tháng | Trang sổ | STT dòng | Nợ | Có |
| A | B | C | D | E | G | H | 1 | 2 |
|  |  |  | - Số dư đầu năm - Số phát sinh trong tháng |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
| - Cộng số phát sinh tháng - Số dư cuối tháng - Cộng lũy kế từ đầu quý |  |  |  |  |  |

- Sổ này có .... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ:...

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Người lập biểu**(Ký, họ tên) | **Kế toán trưởng**(Ký, họ tên) | *Ngày ... tháng ... năm ...***Người đại diện theo pháp luật**(Ký, họ tên, đóng dấu) |

***Ghi chú:*** *Đối với trường hợp thuê dịch vụ làm kế toán, làm kế toán trưởng thì phải ghi rõ số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán, tên đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Đơn vị:** …………………………..**Địa chỉ:** …………………………... | **Mẫu số S04a-DNN**(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính) |

**SỔ QUỸ TIỀN MẶT**

**Loại quỹ: ...**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Ngày, tháng ghi sổ | Ngày, tháng chứng từ | Số hiệu chứng từ | Diễn giải | Sổ tiền | Ghi chú |
| Thu | Chi | Thu | Chi | Tồn |
| A | B |  |  | E | 1 | 2 | 3 | G |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |

- Sổ này có .... trang, đánh số từ trang 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ:...

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Người lập biểu**(Ký, họ tên) | **Kế toán trưởng**(Ký, họ tên) | *Ngày ... tháng ... năm ...***Người đại diện theo pháp luật**(Ký, họ tên, đóng dấu) |

***Ghi chú:*** *Đối với trường hợp thuê dịch vụ làm kế toán, làm kế toán trưởng thì phải ghi rõ số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán, tên đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Đơn vị:** …………………………..**Địa chỉ:** …………………………... | **Mẫu số S04b-DNN**(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính) |

**SỔ KẾ TOÁN CHI TIẾT QUỸ TIỀN MẶT**

**Tài khoản:...**

**Loại quỹ: ...**

**Năm ...**

Đơn vị tính...

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Ngày, tháng ghi sổ | Ngày, tháng chứng từ | Số hiệu chứng từ | Diễn giải | TK đối ứng | Số phát sinh | Số tồn | Ghi chú |
| Thu | Chi |
| Nợ | Có |
| A | B | C | D | E | F | 1 | 2 | 3 | G |
|  |  |  |  | - Số tồn đầu kỳ - Số phát sinh trong kỳ |  |  |  |  |  |
| - Cộng số phát sinh trong kỳ  | x |  |  | x | x  |
| - Số tồn cuối kỳ | x | x | x |  | x |

- Sổ này có .... trang, đánh số từ trang 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ:...

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Người lập biểu**(Ký, họ tên) | **Kế toán trưởng**(Ký, họ tên) | *Ngày ... tháng ... năm ...***Người đại diện theo pháp luật**(Ký, họ tên, đóng dấu) |

***Ghi chú:*** *Đối với trường hợp thuê dịch vụ làm kế toán, làm kế toán trưởng thì phải ghi rõ số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán, tên đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Đơn vị:** …………………………..**Địa chỉ:** …………………………... | **Mẫu số S05-DNN**(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính) |

**SỔ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG**

Nơi mở tài khoản giao dịch:…….

Số hiệu tài khoản tại nơi gửi:……

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Ngày, tháng ghi sổ | Chứng từ | Diễn giải | Tài khoản đối ứng | Số tiền | Ghi chú |
| Số hiệu | Ngày, tháng | Thu (gửi vào) | Chi (rút ra) | Còn lại |
| A | B | C | D | E | 1 | 2 | 3 | F |
|  |  |  | - Số dư đầu kỳ |  |  |  |  |  |
| - Số phát sinh trong kỳ |  |  |  |  |  |
| - Cộng số phát sinh trong kỳ | x |  |  | x | x |
| - Số dư cuối kỳ | x | x | x |  | x |

- Sổ này có .... trang, đánh số từ trang 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ:...

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Người lập biểu**(Ký, họ tên) | **Kế toán trưởng**(Ký, họ tên) | *Ngày ... tháng ... năm ...***Người đại diện theo pháp luật**(Ký, họ tên, đóng dấu) |

***Ghi chú:*** *Đối với trường hợp thuê dịch vụ làm kế toán, làm kế toán trưởng thì phải ghi rõ số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán, tên đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Đơn vị:** …………………………..**Địa chỉ:** …………………………... | **Mẫu số S06-DNN**(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính) |

**SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)**

***Năm…..***

**Tài khoản: ….. Tên kho:…….**

Tên, quy cách nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa) ……………………………….

*Đơn vị tính: ……………..*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Chứng từ | Diễn giải | Tài khoản đối ứng | Đơn giá | Nhập | Xuất | Tồn | Ghi chú |
| Số hiệu | Ngày, tháng | Số lượng | Thành tiền | Số lượng | Thành tiền | Số lượng | Thành tiền |
| A | B | C | D | 1 | 2 | 3=1x2 | 4 | 5=(1x4) | 6 | 7=(1x6) | 8 |
|  |  | Số dư đầu kỳ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Cộng tháng | x | x |  |  |  |  |  |  |  |

- Sổ này có .... trang, đánh số từ trang 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ:...

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Người lập biểu**(Ký, họ tên) | **Kế toán trưởng**(Ký, họ tên) | *Ngày ... tháng ... năm ...***Người đại diện theo pháp luật**(Ký, họ tên, đóng dấu) |

***Ghi chú:*** *Đối với trường hợp thuê dịch vụ làm kế toán, làm kế toán trưởng thì phải ghi rõ số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán, tên đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Đơn vị:** …………………………..**Địa chỉ:** …………………………... | **Mẫu số S07-DNN**(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính) |

**BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT**

**VẬT LIỆU, DỤNG CỤ, SẢN PHẨM, HÀNG HÓA**

**Tài khoản: ...**

**Tháng…. năm….**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Tên, qui cách vật liệu, dụng cụ, sản phẩm hàng hóa | Số tiền |
| Tồn đầu kỳ | Nhập trong kỳ | Xuất trong kỳ | Tồn cuối kỳ |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 |
|  |  |  |  |  |  |
| Cộng |  |  |  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Người lập biểu**(Ký, họ tên) | **Kế toán trưởng**(Ký, họ tên) | *Ngày ... tháng ... năm ...***Người đại diện theo pháp luật**(Ký, họ tên, đóng dấu) |

***Ghi chú:*** *Đối với trường hợp thuê dịch vụ làm kế toán, làm kế toán trưởng thì phải ghi rõ số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán, tên đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Đơn vị:** …………………………..**Địa chỉ:** …………………………... | **Mẫu số S08-DNN**(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính) |

**THẺ KHO (SỔ KHO)**

Người lập thẻ:…….

Tờ số………………

- Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư:

- Đơn vị tính:

- Mã số:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Số TT | Ngày, tháng | Số hiệu chứng từ | Diễn giải | Ngày nhập, xuất | Số lượng | Ký xác nhận của kế toán |
| Nhập | Xuất | Nhập | Xuất | Tồn |
| A | B | C | D | E | F | 1 | 2 | 3 | G |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Cộng cuối kỳ | x |  |  |  | x |

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ: ...

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Người lập biểu**(Ký, họ tên) | **Kế toán trưởng**(Ký, họ tên) | *Ngày ... tháng ... năm ...***Người đại diện theo pháp luật**(Ký, họ tên, đóng dấu) |

***Ghi chú:*** *Đối với trường hợp thuê dịch vụ làm kế toán, làm kế toán trưởng thì phải ghi rõ số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán, tên đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Đơn vị:** …………………………..**Địa chỉ:** …………………………... | **Mẫu số S09-DNN**(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính) |

**SỔ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**

Năm:…….

**Loại tài sản: …….**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Số TT | Ghi tăng TSCĐ | Khấu hao TSCĐ | Ghi giảm TSCĐ |
| Chứng từ | Tên, đặc điểm, ký hiệu TSCĐ | Nước sản xuất | Tháng, năm đưa vào sử dụng | Số hiệu TSCĐ | Nguyên giá TSCĐ | Khấu hao | Khấu hao đã tính đến khi ghi giảm TSCĐ | Chứng từ | Lý do giảm TSCĐ |
| Số hiệu | Ngày, tháng | Tỷ lệ (%) khấu hao | Mức khấu hao | Số hiệu | Ngày, tháng, năm |
| A | B | C | D | E | G | H | 1 | 2 | 3 | 4 | I | K | L |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Cộng** | x | x | x |  |  |  |  | x | x | x |

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ: ...

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Người lập biểu**(Ký, họ tên) | **Kế toán trưởng**(Ký, họ tên) | *Ngày ... tháng ... năm ...***Người đại diện theo pháp luật**(Ký, họ tên, đóng dấu) |

***Ghi chú:*** *Đối với trường hợp thuê dịch vụ làm kế toán, làm kế toán trưởng thì phải ghi rõ số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán, tên đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Đơn vị:** …………………………..**Địa chỉ:** …………………………... | **Mẫu số S10-DNN**(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính) |

**SỔ THEO DÕI TSCĐ VÀ CÔNG CỤ, DỤNG CỤ TẠI NƠI SỬ DỤNG**

***Năm…..***

***Tên đơn vị (phòng, ban hoặc người sử dụng)….***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Ghi tăng tài sản cố định và công cụ, dụng cụ | Ghi giảm tài sản cố định và công cụ, dụng cụ | Ghi chú |
| Chứng từ | Tên, nhãn hiệu, quy cách tài sản cố định và công cụ, dụng cụ | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Số tiền | Chứng từ | Lý do | Số lượng | Số tiền |
| Số hiệu | Ngày, tháng | Số hiệu | Ngày, tháng |
| A | B | C | D | 1 | 2 | 3=1x2 | E | G | H | 4 | 5 | I |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ: ...

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Người lập biểu**(Ký, họ tên) | **Kế toán trưởng**(Ký, họ tên) | *Ngày ... tháng ... năm ...***Người đại diện theo pháp luật**(Ký, họ tên, đóng dấu) |

***Ghi chú:*** *Đối với trường hợp thuê dịch vụ làm kế toán, làm kế toán trưởng thì phải ghi rõ số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán, tên đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Đơn vị:** …………………………..**Địa chỉ:** …………………………... | **Mẫu số S11-DNN**(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính) |

**THẺ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**

*Số: ……………….*

*Ngày… tháng.... năm… lập thẻ……*

Căn cứ vào Biên bản giao nhận TSCĐ số……………………………… ngày.... tháng.... năm...

Tên, ký mã hiệu, quy cách (cấp hạng) TSCD:…………………….…… Số hiệu TSCĐ…………

Nước sản xuất (xây dựng)……………………………………………….. Năm sản xuất…………

Bộ phận quản lý, sử dụng…………………………………… Năm đưa vào sử dụng……………

Công suất (diện tích thiết kế)…………………………………………………………………………

Đình chỉ sử dụng TSCĐ ngày……… tháng…………… năm...

Lý do đình chỉ……………………………………………………………………………………………

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Số hiệu chứng từ | Nguyên giá tài sản cố định | Giá trị hao mòn tài sản cố định |
| Ngày, tháng, năm | Diễn giải | Nguyên giá | Năm | Giá trị hao mòn | Cộng dồn |
| A | B | C | 1 | 2 | 3 | 4 |
|  |  |  |  |  |  |  |

**Dụng cụ phụ tùng kèm theo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Số TT | Tên, quy cách dụng cụ, phụ tùng | Đơn vị tính | Số lượng | Giá trị |
| A | B | C | 1 | 2 |
|  |  |  |  |  |

Ghi giảm TSCĐ chứng từ số:………… ngày.... tháng.... năm………

Lý do giảm: …………………………………………………………………

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Người lập biểu**(Ký, họ tên) | **Kế toán trưởng**(Ký, họ tên) | *Ngày ... tháng ... năm ...***Người đại diện theo pháp luật**(Ký, họ tên, đóng dấu) |

***Ghi chú:*** *Đối với trường hợp thuê dịch vụ làm kế toán, làm kế toán trưởng thì phải ghi rõ số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán, tên đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Đơn vị:** …………………………..**Địa chỉ:** …………………………... | **Mẫu số S12-DNN**(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính) |

**SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA (NGƯỜI BÁN)**

**(Dùng cho TK: 131, 331)**

**Tài khoản:……………………**

**Đối tượng:……………………**

***Loại tiền: VNĐ***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Ngày, tháng ghi sổ | Chứng từ | Diễn giải | TK đối ứng | Thời hạn được chiết khấu | Số phát sinh | Số dư |
| Số hiệu | Ngày, tháng | Nợ | Có | Nợ | Có |
| A | B | C | D | E | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
|  |  |  | - Số dư đầu kỳ- Số phát sinh trong kỳ………..……….. |  |  |  |  |  |  |
| - Cộng số phát sinh- Số dư cuối kỳ | xx | xx | x | x | x | x |

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ: ...

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Người lập biểu**(Ký, họ tên) | **Kế toán trưởng**(Ký, họ tên) | *Ngày ... tháng ... năm ...***Người đại diện theo pháp luật**(Ký, họ tên, đóng dấu) |

***Ghi chú:*** *Đối với trường hợp thuê dịch vụ làm kế toán, làm kế toán trưởng thì phải ghi rõ số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán, tên đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Đơn vị:** …………………………..**Địa chỉ:** …………………………... | **Mẫu số S13-DNN**(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính) |

**SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA (NGƯỜI BÁN) BẰNG NGOẠI TỆ**

**(Dùng cho TK: 131, 331)**

**Tài khoản: ……………**

**Đối tượng:……………**

**Loại ngoại tệ:…………**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Ngày, tháng ghi sổ | Chứng từ | Diễn giải | TK đối ứng | Tỷ giá hối đoái | Thời hạn được chiết khấu | Số phát sinh | Số dư |
| Số hiệu | Ngày, tháng | Nợ | Có | Nợ | Có |
| Ngoại tệ | Quy ra VNĐ | Ngoại tệ | Quy ra VNĐ | Ngoại tệ | Quy ra VNĐ | Ngoại tệ | Quy ra VNĐ |
| A | B | C | D | E | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
|  |  |  | - Số dư đầu kỳ - Số phát sinh….. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - Cộng số phát sinh | x | x | x |  |  |  |  | x | x | x | x |
| - Số dư cuối kỳ | x | x | x | x | x | x | x |  |  |  |  |

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ: ...

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Người lập biểu**(Ký, họ tên) | **Kế toán trưởng**(Ký, họ tên) | *Ngày ... tháng ... năm ...***Người đại diện theo pháp luật**(Ký, họ tên, đóng dấu) |

***Ghi chú:*** *Đối với trường hợp thuê dịch vụ làm kế toán, làm kế toán trưởng thì phải ghi rõ số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán, tên đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Đơn vị:** …………………………..**Địa chỉ:** …………………………... | **Mẫu số S14-DNN**(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính) |

**SỔ THEO DÕI THANH TOÁN BẰNG NGOẠI TỆ**

**(Dùng cho các TK 136, 138, 141, 334, 336, 338)**

**Tài khoản: ……………**

**Đối tượng:……………**

**Loại ngoại tệ:…………**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Ngày, tháng ghi sổ | Chứng từ | Diễn giải | TK đối ứng | Tỷ giá hối đoái | Số phát sinh | Số dư |
| Số hiệu | Ngày, tháng | Nợ | Có | Nợ | Có |
| Ngoại tệ | Quy ra VNĐ | Ngoại tệ | Quy ra VNĐ | Ngoại tệ | Quy ra VNĐ | Ngoại tệ | Quy ra VNĐ |
| A | B | C | D | E | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 |
|  |  |  | - Số dư đầu kỳ - Số phát sinh.... |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - Cộng số phát sinh | x | x |  |  |  |  | x | x | x | x |
| - Số dư cuối kỳ | x | x | x | x | x | x |  |  |  |  |

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ: ...

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Người lập biểu**(Ký, họ tên) | **Kế toán trưởng**(Ký, họ tên) | *Ngày ... tháng ... năm ...***Người đại diện theo pháp luật**(Ký, họ tên, đóng dấu) |

***Ghi chú:*** *Đối với trường hợp thuê dịch vụ làm kế toán, làm kế toán trưởng thì phải ghi rõ số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán, tên đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Đơn vị:** …………………………..**Địa chỉ:** …………………………... | **Mẫu số S15-DNN**(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính) |

**SỔ CHI TIẾT TIỀN VAY**

**(Dùng cho TK 341)**

**Tài khoản:………………………………**

**Đối tượng cho vay:………………..….**

**Khế ước vay:…….. Số……. ngày……**

**(Tỷ lệ lãi vay…………)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Ngày, tháng ghi sổ | Chứng từ | Diễn giải | TK đối ứng | Ngày đến hạn thanh toán | Số tiền |
| Số hiệu | Ngày, tháng | Nợ | Có |
| A | B | C | D | E | G | 1 | 2 |
|  |  |  | - Số dư đầu kỳ - Số phát sinh trong kỳ……. |  |  |  |  |
| - Cộng số phát sinh - Số dư cuối kỳ | x x | x x |  |  |

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ: ...

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Người lập biểu**(Ký, họ tên) | **Kế toán trưởng**(Ký, họ tên) | *Ngày ... tháng ... năm ...***Người đại diện theo pháp luật**(Ký, họ tên, đóng dấu) |

***Ghi chú:*** *Đối với trường hợp thuê dịch vụ làm kế toán, làm kế toán trưởng thì phải ghi rõ số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán, tên đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Đơn vị:** …………………………..**Địa chỉ:** …………………………... | **Mẫu số S16-DNN**(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính) |

**SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG**

**Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư):…………………**

***Năm:*…………………….**

**Quyển số:.………………**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Ngày, tháng ghi sổ | Chứng từ | Diễn giải | TK đối ứng | Doanh thu | Các khoản tính trừ |
| Số hiệu | Ngày, tháng | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền | Thuế | Khác (521) |
| A | B | C | D | E | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Cộng số phát sinh - Doanh thu thuần - Giá vốn hàng bán - Lãi gộp |  |  |  |  |  |  |

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ: ...

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Người lập biểu**(Ký, họ tên) | **Kế toán trưởng**(Ký, họ tên) | *Ngày ... tháng ... năm ...***Người đại diện theo pháp luật**(Ký, họ tên, đóng dấu) |

***Ghi chú:*** *Đối với trường hợp thuê dịch vụ làm kế toán, làm kế toán trưởng thì phải ghi rõ số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán, tên đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Đơn vị:** …………………………..**Địa chỉ:** …………………………... | **Mẫu số S17-DNN**(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính) |

**SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH**

**(Dùng cho các TK 154, 631, 642, 242, 335, 632)**

**- Tài khoản: …………………………….**

**- Tên phân xưởng: …………………….**

**- Tên sản phẩm, dịch vụ:………………**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Ngày, tháng ghi sổ | Chứng từ | Diễn giải | Tài khoản đối ứng | Ghi Nợ Tài khoản ... |
| Số hiệu | Ngày, tháng | Tổng số tiền | Chia ra |
|  | … | … | … | ... | … | … |
| A | B | C | D | E | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
|  |  |  | - Số dư đầu kỳ- Số phát sinh trong kỳ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - Cộng số phát sinh trong kỳ- Ghi Có TK ...- Số dư cuối kỳ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ: ...

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Người lập biểu**(Ký, họ tên) | **Kế toán trưởng**(Ký, họ tên) | *Ngày ... tháng ... năm ...***Người đại diện theo pháp luật**(Ký, họ tên, đóng dấu) |

***Ghi chú:*** *Đối với trường hợp thuê dịch vụ làm kế toán, làm kế toán trưởng thì phải ghi rõ số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán, tên đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Đơn vị:** …………………………..**Địa chỉ:** …………………………... | **Mẫu số S18-DNN**(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính) |

**THẺ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM, DỊCH VỤ**

**Tháng………. năm…………….**

**Tên sản phẩm, dịch vụ:……….**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Chỉ tiêu | Tổng số tiền | Chia ra theo khoản mục |
| Nguyên liệu, vật liệu | … | … | … | … | … | … | … |
| A | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 |
| 1. Chi phí SXKD dở dang đầu kỳ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2. Chi phí SXKD phát sinh trong kỳ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3. Giá thành sản phẩm, dịch vụ trong kỳ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4. Chi phí SXKD dở dang cuối kỳ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Người lập biểu**(Ký, họ tên) | **Kế toán trưởng**(Ký, họ tên) | *Ngày ... tháng ... năm ...***Người đại diện theo pháp luật**(Ký, họ tên, đóng dấu) |

***Ghi chú:*** *Đối với trường hợp thuê dịch vụ làm kế toán, làm kế toán trưởng thì phải ghi rõ số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán, tên đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Đơn vị:** …………………………..**Địa chỉ:** …………………………... | **Mẫu số S19-DNN**(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính) |

**SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN**

**(Dùng cho các TK: 136, 138, 141, 157, 242, 333, 334,
335, 336, 338, 352, 353, 356, 411, 421,...)**

**Tài khoản:…………………….**

**Đối tượng:…………………….**

***Loại tiền: VNĐ***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Ngày, tháng ghi sổ | Chứng từ | Diễn giải | TK đối ứng | Số phát sinh | Số dư |
| Số hiệu | Ngày, tháng | Nợ | Có | Nợ | Có |
| A | B | C | D | E | 1 | 2 | 3 | 4 |
|  |  |  | - Số dư đầu kỳ- Số phát sinh trong kỳ…………. |  |  |  |  |  |
| - Cộng số phát sinh- Số dư cuối kỳ | xx | x | x | x | x |

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ: ...

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Người lập biểu**(Ký, họ tên) | **Kế toán trưởng**(Ký, họ tên) | *Ngày ... tháng ... năm ...***Người đại diện theo pháp luật**(Ký, họ tên, đóng dấu) |

***Ghi chú:*** *Đối với trường hợp thuê dịch vụ làm kế toán, làm kế toán trưởng thì phải ghi rõ số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán, tên đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Đơn vị:** …………………………..**Địa chỉ:** …………………………... | **Mẫu số S20-DNN**(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính) |

**SỔ CHI TIẾT PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU**

Năm:……..

*Đơn vị tính:…………*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Đăng ký phát hành | Phát hành thực tế | Số cổ phiếu đã đăng ký phát hành nhưng chưa bán |
| Giấy phép phát hành | Loại cổ phiếu | Số lượng | Mệnh giá | Chứng từ | Loại cổ phiếu | Số lượng | Giá trị theo mệnh giá | Giá thực tế phát hành | Thành tiền |
| Số hiệu | Ngày tháng | Số hiệu | Ngày, tháng | Số lượng | Mệnh giá |
| A | B | C | 1 | 2 | D | E | G | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Cộng |  |  | x | x | x |  |  |  |  | x |  |

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ: ...

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Người lập biểu**(Ký, họ tên) | **Kế toán trưởng**(Ký, họ tên) | *Ngày ... tháng ... năm ...***Người đại diện theo pháp luật**(Ký, họ tên, đóng dấu) |

***Ghi chú:*** *Đối với trường hợp thuê dịch vụ làm kế toán, làm kế toán trưởng thì phải ghi rõ số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán, tên đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Đơn vị:** …………………………..**Địa chỉ:** …………………………... | **Mẫu số S21-DNN**(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính) |

**SỔ CHI TIẾT CỔ PHIẾU QUỸ**

Năm………………..

Loại cổ phiếu…………. Mã số………..

*Đơn vị tính: ……………*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Ngày, tháng ghi sổ | Chứng từ | Diễn giải | Tài khoản đối ứng | Giá thực tế mua, bán phát hành | Số phát sinh | Số dư |
| Số hiệu | Ngày, tháng | Tăng | Giảm | Số lượng | Giá trị theo mệnh giá | Giá mua thực tế |
| Số lượng | Giá trị theo mệnh giá | Giá mua thực tế | Số lượng | Giá trị theo mệnh giá | Giá trị thực tế |
| A | B | C | D | E | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Cộng | x | x | x |  |  | x |  |  | x |  |  |

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ: ...

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Người lập biểu**(Ký, họ tên) | **Kế toán trưởng**(Ký, họ tên) | *Ngày ... tháng ... năm ...***Người đại diện theo pháp luật**(Ký, họ tên, đóng dấu) |

***Ghi chú:*** *Đối với trường hợp thuê dịch vụ làm kế toán, làm kế toán trưởng thì phải ghi rõ số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán, tên đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Đơn vị:** …………………………..**Địa chỉ:** …………………………... | **Mẫu số S22-DNN**(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính) |

**SỔ CHI TIẾT ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN**

**(Dùng cho các TK: 121, 228)**

**Tài khoản:……………………………..**

**Loại chứng khoán:………………Đơn vị phát hành………………**

**Mệnh giá……… Lãi suất………. Thời hạn thanh toán…………**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Ngày tháng ghi sổ | Chứng từ | Diễn giải | TK đối ứng | Số phát sinh | Số dư |
| Số hiệu | Ngày tháng | Mua vào | Xuất ra | Số lượng | Thành tiền |
| Số lượng | Thành tiền | Số lượng | Thành tiền |
| A | B | C | D | E | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
|  |  |  | - Số dư đầu kỳ - Số phát sinh trong kỳ…………. |  |  |  |  |  |  |  |
| - Cộng số phát sinh - Số dư cuối kỳ | xx | x | x | x | x | x | x |

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ: ...

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Người lập biểu**(Ký, họ tên) | **Kế toán trưởng**(Ký, họ tên) | *Ngày ... tháng ... năm ...***Người đại diện theo pháp luật**(Ký, họ tên, đóng dấu) |

***Ghi chú:*** *Đối với trường hợp thuê dịch vụ làm kế toán, làm kế toán trưởng thì phải ghi rõ số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán, tên đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Đơn vị:** …………………………..**Địa chỉ:** …………………………... | **Mẫu số S23-DNN**(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính) |

**SỔ THEO DÕI CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU (TK 411)**

Năm………….

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Ngày, tháng ghi sổ | Chứng từ | Diễn giải | Tài khoản đối ứng | Số phát sinh | Số dư |
| Số hiệu | Ngày, tháng | Nợ (giảm) | Có (tăng) | Vốn góp | Thặng dư vốn | Vốn khác |
| Vốn góp | Thặng dư vốn | Vốn khác | Vốn góp | Thặng dư vốn | Vốn khác |
| A | B | C | D | E | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 |
|  |  |  | - Số dư đầu kỳ - Số phát sinh trong kỳ……..…….. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - Cộng số phát sinh - Số dư cuối kỳ | x |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ: ...

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Người lập biểu**(Ký, họ tên) | **Kế toán trưởng**(Ký, họ tên) | *Ngày ... tháng ... năm ...***Người đại diện theo pháp luật**(Ký, họ tên, đóng dấu) |

***Ghi chú:*** *Đối với trường hợp thuê dịch vụ làm kế toán, làm kế toán trưởng thì phải ghi rõ số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán, tên đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Đơn vị:** …………………………..**Địa chỉ:** …………………………... | **Mẫu số S24-DNN**(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính) |

**SỔ CHI PHÍ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG**

**Tài khoản 241- Xây dựng cơ bản dở dang**

***Năm……..***

**Dự án: ………………………………………………**

***Công trình (HMCT)*………………………………...**

**Khởi công... ngày ... tháng ... năm ...**

**Hoàn thành... ngày ... tháng... năm ...**

**Tổng dự toán:…………………………….**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Ngày, tháng ghi sổ | Chứng từ | Diễn giải | Tài khoản đối ứng | Tổng số phát sinh | Nội dung chi phí | Ghi chú |
| Số hiệu | Ngày, tháng | Xây lắp | Thiết bị | Khác |
| Tổng số | TB cần lắp | TB không cần lắp | Công cụ, dụng cụ |
| A | B | C | D | E | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | F |
|  |  |  | 1 - Số dư đầu kỳ 2 - Số phát sinh trong kỳ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Cộng số phát sinh 3 - Số dư cuối kỳ 4 - Cộng lũy kế phát sinh quý 5 - Cộng lũy kế phát sinh từ đầu năm 6 - Cộng lũy kế phát sinh từ khởi công |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ: ...

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Người lập biểu**(Ký, họ tên) | **Kế toán trưởng**(Ký, họ tên) | *Ngày ... tháng ... năm ...***Người đại diện theo pháp luật**(Ký, họ tên, đóng dấu) |

***Ghi chú:*** *Đối với trường hợp thuê dịch vụ làm kế toán, làm kế toán trưởng thì phải ghi rõ số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán, tên đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Đơn vị:** …………………………..**Địa chỉ:** …………………………... | **Mẫu số S25-DNN**(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính) |

**SỔ THEO DÕI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Năm: ……………….

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Chứng từ | Diễn giải | Số tiền thuế GTGT đã nộp | Số tiền thuế GTGT phải nộp |
| Số hiệu | Ngày, tháng |
| A | B | C | 1 | 2 |
|  |  | Số dư đầu kỳ - Điều chỉnh số dư đầu kỳ Số phát sinh trong kỳ |  |  |
| Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ |  |  |

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ: ...

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Người lập biểu**(Ký, họ tên) | **Kế toán trưởng**(Ký, họ tên) | *Ngày ... tháng ... năm ...***Người đại diện theo pháp luật**(Ký, họ tên, đóng dấu) |

***Ghi chú:*** *Đối với trường hợp thuê dịch vụ làm kế toán, làm kế toán trưởng thì phải ghi rõ số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán, tên đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Đơn vị:** …………………………..**Địa chỉ:** …………………………... | **Mẫu số S26-DNN**(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính) |

**SỔ CHI TIẾT THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG ĐƯỢC HOÀN LẠI**

**Năm: ………….**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Chứng từ | Diễn giải | Số thuế GTGT được hoàn lại | Số thuế GTGT đã hoàn lại |
| Số hiệu | Ngày, tháng |
| A | B | C | 1 | 2 |
|  |  | Số dư đầu kỳ |  |  |
|  |  | - Điều chỉnh số dư đầu kỳ Số phát sinh trong kỳ |  |  |
| Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ |  |  |

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ: ...

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Người lập biểu**(Ký, họ tên) | **Kế toán trưởng**(Ký, họ tên) | *Ngày ... tháng ... năm ...***Người đại diện theo pháp luật**(Ký, họ tên, đóng dấu) |

***Ghi chú:*** *Đối với trường hợp thuê dịch vụ làm kế toán, làm kế toán trưởng thì phải ghi rõ số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán, tên đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Đơn vị:** …………………………..**Địa chỉ:** …………………………... | **Mẫu số S27-DNN**(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính) |

**SỔ CHI TIẾT THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG ĐƯỢC MIỄN GIẢM**

**Năm:………**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Chứng từ | Diễn giải | Số thuế GTGT được miễn giảm | Số thuế GTGT đã miễn giảm |
| Số hiệu | Ngày, tháng |
| A | B | C | 1 | 2 |
|  |  | - Số dư đầu kỳ |  |  |
|  |  | - Điều chỉnh số dư đầu kỳ- Số phát sinh trong kỳ |  |  |
| - Cộng số phát sinh- Số dư cuối kỳ |  |  |

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ: ...

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Người lập biểu**(Ký, họ tên) | **Kế toán trưởng**(Ký, họ tên) | *Ngày ... tháng ... năm ...***Người đại diện theo pháp luật**(Ký, họ tên, đóng dấu) |